

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST

Ngày: 09/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Tự Soái**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Mậu Thảo** và bà **Nguyễn Thị Mừng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Thu Hiếu**- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Trần Đức H**, sinh ngày 16/12/1999 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Thợ điêu khắc; trình độ học vấn: 10/12; con ông không rõ và bà Trần Thị M (sinh năm 1982); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/7/2020, chuyển tạm giam từ ngày 10/7/2020 đến nay tại cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an huyện Đ; có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn Q** (Tên gọi khác: B), sinh ngày 19/9/2001 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1972) và bà Lê Thị N (sinh năm 1982); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: Không.

Nhân Thân: Ngày 22/4/2020, bị Công an xã Q xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/7/2020, chuyển tạm giam từ ngày 10/7/2020 đến nay tại cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an huyện Đ; có mặt tại phiên tòa.

3. **Văn Quý T**, sinh ngày 01/01/1973 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 9/12; con ông Văn Quý H (đã chết) và bà Trương Thị N (sinh năm 1939); có vợ là Nguyễn Thị T (sinh năm 1969) và có 02 con (lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1992) ; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1. Ông **Nguyễn Ngọc A**, sinh năm 1956; HKTT: Tổ 21, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: Khu H, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Ông **Nguyễn P**, sinh năm 1968; trú tại: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông **Văn Quý H**, sinh năm 1992; trú tại: Thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

2. Ông **Văn Quý M**, sinh năm 1975; trú tại: Thôn T, xã M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3. Bà **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm 1983; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

4. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1973; trú tại: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

5. Ông **Đỗ Văn Đ**, sinh năm 1973; trú tại: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

6. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1976; trú tại: Thôn T, xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 11/2019 đến tháng 4/2020, Trần Đức H cùng với Nguyễn Văn Q đã nhiều lần trộm cắp cây mai cảnh trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ tối 05/11/2019, Trần Đức H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 92N6-8450 (*do di ruột của H là bà Trần Thị Ngọc H làm chủ sở hữu*) từ nhà tại thôn P, xã H, huyện Đ đến nhà Nguyễn Văn H tại thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam để chở Q đến quán internet tại thị trấn A, huyện Đ chơi. Trong lúc chơi, H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán kiếm tiền tiêu xài cá nhân nên Huy rủ Q đi ăn trộm cây mai cảnh thì Q đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô BKS 92N6-8450 chở H mang theo 01 con dao cán tròn bằng sắt, lưỡi dẹp bằng sắt, mũi nhọn đến đoạn đường thuộc khu H, thị trấn A, huyện Đ. Do H quan sát trước nên biết nhà ông Nguyễn Ngọc A (*ở tại khu H, thị trấn A, huyện Đ*) có trồng mai cảnh nên H nói Q dừng xe lại. Q dừng xe, đứng canh gác bên ngoài còn H trèo qua rào (*tường rào cao 1,4m, rào bằng sắt B40*) vào bên trong sân nhà ông A phát hiện 01 cây mai đột tím trong chậu, có chiều cao khoảng 2,3m, chu vi gốc 22cm, thân cây được tạo hình dáng long uốn lượn, lá dày, chưa ra hoa. Thấy vậy, H dùng con dao mang theo đào gốc, nhổ cây mai ra khỏi chậu và đưa cây mai qua hàng rào cho Q cầm rồi H nhảy qua hàng rào ra ngoài. Q điều khiển xe chở H ngồi phía sau kẹp cây mai ở giữa chạy xuống nhà anh Trần Hoàng L (*tên gọi khác Long C; trú thôn L, xã P, thị xã Đ*) để bán cho L. Nhưng khi đến nhà anh L thì không có ai ở nhà nên H và Q giấu cây mai trong bụi cây phía sau nhà anh L rồi đi về. Đến sáng hôm sau, Q quay lại nhà L để tìm mai thì phát hiện mai đã mất nên vào nhà tìm gặp L thì gặp Công an

thị xã Đ. Thấy Q có dấu hiệu nghi vấn nên Công an thị xã Đ mời Q về làm việc, quá trình làm việc Q không khai nhận hành vi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xử lý.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 22 ngày 14/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ xác định giá trị của một cây mai đột tím có chiều cao 230cm, chu vi gốc 22cm, thân cây được uốn thế dáng long uốn lượn, lá dày, chưa ra hoa, được trồng vào năm 2005, có giá trị là 3.100.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ tối tháng 01/2020 (*không xác định ngày cụ thể*), Trần Đức H điều khiển xe mô tô BKS 92N6-8450 đến nhà Nguyễn Văn Q chơi. Vì trước đó Q có đi ngang qua nhà ông Nguyễn P (*trú tại thôn A, xã N, huyện Đ*) phát hiện nhà ông P có trồng mai nên Q rủ H đi trộm mai thì H đồng ý. Đến 23 giờ, Q chở H đến nhà ông Nguyễn P, cả hai trèo rào (*tường rào cao 02m, bằng khung sắt*) vào sân nhà ông P, dùng tay đào đất mỗi người nhổ 01 cây mai. Một lát sau H nhổ được 01 cây mai đột xanh, chiều cao 01m, chu vi gốc 20cm, có dáng uốn lượn đã ra hoa 5 cánh, lá dày, còn Q không nhổ được cây nào. Sau đó, Q leo qua hàng rào ra ngoài trước, H chuyển cây mai vừa nhổ được cho Q cầm rồi leo rào ra ngoài. Q điều khiển xe BKS 92N6-8450 chở H ngồi phía sau, kẹp cây mai ở giữa đến nhà Văn Quý T (*trú tại Thôn N, xã H, huyện Đ*) bán. Lúc này khoảng 24 giờ, H và Q mang mai đến nhà T gọi cửa thì T ra mở cửa, Q và H mang mai vào sân, sau khi xem mai T hỏi: "*Cây mai này ở đâu mà có?*", Q trả lời "*Nhổ trộm*", T hỏi tiếp "*Giá bao nhiêu?*", Q nói "*1.000.000 đồng*", thì T trả giá "*700.000 đồng được không?*" thì Q và H đồng ý. T đưa tiền rồi lấy cây mai, còn Q và H cầm tiền đi về chia đôi mỗi người 350.000 đồng. Đến sáng hôm sau, T gọi điện cho Văn Quý M (*trú tại thôn T, xã Điện Minh, thị xã Đ, là em ruột của T*) hỏi có mua mai không, vì trước đó ông M có sở thích chơi cây cảnh nên có nhờ T tìm mua mai giúp. Đến chiều ông M đến nhà T để xem mai và đồng ý lấy lại cây mai T mua lúc tối với giá 700.000 đồng, sau đó chở mai về nhà chăm sóc.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 13 ngày 10/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ xác định giá trị của một cây mai đột xanh, có chiều cao 01m, chu vi gốc 20cm, được trồng 25 năm tuổi, lá dày, có giá trị là 4.000.000 đồng.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, quá trình điều tra Trần Đức H và Nguyễn Văn Q còn thực hiện 02 vụ trộm cắp cây mai nhưng giá trị chưa đến 2.000.000 đồng như sau:

Vào tối một ngày tháng 12/2019 (*không xác định ngày cụ thể*), Nguyễn Văn Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONLET, BKS 43H3-9033 (*do cha ruột của Q là ông Nguyễn Văn T làm chủ sở hữu*) xuống nhà Trần Đức H chơi. Trong lúc ngồi chơi, H nói với Q "*Gần nhà tao có cây mai, qua đó lấy trộm*" thì Q đồng ý. Đến 23 giờ cùng ngày, H và Q đi bộ đến nhà ông Đỗ Văn Đ (*trú tại thôn P, xã H, huyện Đ*), cả hai vào sân nhà ông Đ thì phát hiện 01 cây mai đột tím, cao 70cm, chu vi gốc 30cm, thân cây được tạo hình thế uốn lượn. H và Q dùng tay đào đất nhổ cây mai trên rồi khiêng ra ngoài cổng, H nói với Q về điều khiển xe đến chở mai thì Q chạy về nhà H điều khiển xe mô tô BKS 43H3-9033 đến chở H và mai về nhà Q cất dấu. Do lúc trước, Q có rao bán cây mai của ông nội trên mạng facebook nên Văn Quý H (*trú tại Thôn N, xã H, huyện Đ*) biết và hỏi mua. Do đó, đến sáng hôm sau, Q nhắn tin cho H hỏi có mua mai không Q bán, thì H hỏi mai ở đâu thì Q nói của ông chú. Vì vậy, H điện về cho ba

mình là Văn Quý T (HKTT: Thôn N, H, huyện Đ) hỏi có mua mai không thì T nói đem mai đến xem, được thì mua. Đến khoảng 08 giờ 30 phút, Q điều khiển xe mô tô BKS 43H3-9033 chở mai đến nhà Văn Quý T, T hỏi "*Cây mai này ở đâu mà có, giá bao nhiêu?*" thì Q trả lời "*Mai của ông chú, bán 700.000 đồng*", T trả giá "*500.000 đồng được không?*" thì Q đồng ý bán. Ông T đưa tiền cho Q rồi lấy cây mai trồng vào chậu chăm sóc, quản lý. Còn Q cầm tiền về đưa cho H 150.000đồng, số tiền còn lại Q tiêu xài hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 10/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ xác định giá trị của một cây mai đọt tím có chiều cao 70cm, chu vi gốc 30cm, có giá trị là 1.500.000 đồng.

Vào khoảng 20 giờ ngày 04/4/2020, Q điều khiển xe BKS 43H5-9033 chở H đến xã Q để tìm mai trộm. Khi đến khu vực thôn T, xã A thì Q phát hiện nhà ông Nguyễn Văn D (*trú thôn T, xã A, huyện Đại Lộc*) có trồng mai nên Q dừng xe lại trước nhà ông D. Q đứng ở ngoài canh gác còn H vào sân nhà ông D dùng tay nhổ 01 cây mai đọt tím, cao khoảng 01m, chu vi gốc 12cm. Sau khi nhổ được mai, Q điều khiển xe chở H về nhà Q. Trên đường đi về thì bị Công an xã N kiểm tra phát hiện, H bỏ chạy thoát, còn Q bị Công an xã N giữ lại làm việc. Quá trình làm việc Q khai nhận cùng H trộm mai trên địa bàn xã A nên Công an xã N chuyển hồ sơ cho Công an xã A xử lý hành chính đối với Q về hành vi trộm cắp tài sản. Đối với H, Công an xã A đã tiến hành xác minh nhưng không có mặt tại địa phương nên chưa xử lý đối với H.

Đến ngày 03/7/2020, Trần Đức H và Nguyễn Văn Q đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Bản cáo trạng số 01/CT-VKSĐL ngày 25/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Trần Đức H và Nguyễn Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Văn Quý T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đối với các bị cáo, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội của các bị cáo và nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với các bị cáo Trần Đức H và Nguyễn Văn Q: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo H và Q cùng mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Đối với bị cáo Văn Quý T: Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Các bị hại ông Nguyễn Ngọc A và ông Nguyễn P; những người có quyền lợi, nghĩa liên quan đến vụ án ông Văn Quý H, ông Văn Quý M, ông Đỗ Văn Đ, ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T khai nhận phù hợp với lời khai của các bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn P vắng mặt có lý do; những người có quyền lợi, nghĩa liên quan ông Văn Quý M, ông Đỗ Văn Đ, ông Nguyễn Văn D vắng mặt có lý do, ông Văn Quý H vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, việc vắng mặt của người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng này.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hành vi, căn cứ buộc tội các bị cáo: Xét lời nhận tội của các bị cáo Trần Đức H, Nguyễn Văn Q và Văn Quý T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Thời gian từ tháng 11/2019 đến tháng 01/2020, bị cáo Trần Đức H cùng với bị cáo Nguyễn Văn Q đã bàn bạc, rủ nhau nhiều lần trộm cắp cây mai cảnh trên địa bàn huyện Đ, cụ thể: Vào lúc 22 giờ ngày 05/11/2019, bị cáo Q đứng canh gác còn bị cáo H đột nhập vào sân nhà ông Nguyễn Ngọc A (*trú khu H, thị trấn A, huyện Đ*) nhổ trộm 01 cây mai đột tím trong chậu, cây mai có chiều cao khoảng 2,3m, chu vi gốc 22cm, thân cây được tạo hình dáng long uốn lượn, lá dày, chưa ra hoa trị giá 3.100.000 đồng. Vào khoảng 23 giờ một ngày tháng 01/2020, các bị cáo H và Q đột nhập vào sân nhà ông Nguyễn P (*trú tại thôn A, xã N, huyện Đ*) nhổ trộm 01 cây mai đột xanh, chiều cao 01m, chu vi gốc 20cm, có dáng uốn lượn đã ra hoa 5 cánh, lá dày trị giá 4.000.000 đồng. Sau khi trộm cắp được các bị cáo H và Q chở đến bán cho bị cáo Văn Quý T, bị cáo T biết cây mai mình mua là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn cố tình thực hiện vì động cơ tư lợi.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Đức H và Nguyễn Văn Q đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung “*Có tổ chức*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; hành vi bị cáo Văn Quý T đã cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm

sát nhân dân huyện Đ đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[2.2] Về tính chất, mức độ, vai trò và nhân thân của từng bị cáo thì thấy:

Các bị cáo Trần Đức H và Nguyễn Văn Q tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện nhân cách, lối sống để trở thành người công dân tốt. Các bị cáo H và Q muốn có nhiều tiền để ăn chơi tiêu xài mà không chịu lao động để làm ra của cải, vật chất chân chính nên sớm dẫn các bị cáo đi vào con đường phạm tội. Chỉ trong một thời gian ngắn từ tháng 11/2019 đến tháng 01/2020, các bị cáo H và Q đã gây ra nhiều lần phạm tội trộm cắp. Trước khi thực hành vi phạm tội giữa các bị cáo đã có sự bàn bạc thống nhất, cấu kết với nhau, chuẩn bị công cụ, phương tiện, vạch ra phương thức thủ đoạn phạm tội, lợi dụng các chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản sơ hở, mất cảnh giác, đêm tối lén lút thực hiện hành vi trộm cắp cây mai cảnh đem bán với giá rẻ lấy tiền tiêu xài. Đối với bị cáo Văn Quý T mặc dù biết rất rõ cây mai cảnh mà các bị cáo H và Q thời gian đêm tối mang đến bán là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vì tham lam, háms lợi, xem thường pháp luật nên đã tiêu thụ tài sản trái pháp luật. Hành vi mà các bị cáo H, Q và T thực hiện việc phạm tội là rất nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tạo điều kiện khuyến khích cho người khác đi vào con đường phạm tội, mà còn gây tác hại xấu trong đời sống nhân dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

- **Các bị cáo Trần Đức H và Nguyễn Thanh Q:** Trong vụ án này, các bị cáo H và Q cùng cấu kết rủ nhau, bàn bạc thực hiện việc phạm tội trộm cắp tài sản là cây mai cảnh đem bán giá rẻ lấy tiền tiêu xài cá nhân. Phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi là tảo tợn, liều lĩnh, các bị cáo quan sát trước tài sản của bị hại, thời gian đêm tối rủ nhau sử dụng công cụ, phương tiện đến địa điểm để thực hiện hành vi trộm cắp. Các bị cáo H và Q thực hiện hành vi trộm cắp 02 lần nên phải nhiều tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tài sản trộm cắp đem bán lấy tiền cùng chia đều để tiêu xài cá nhân. Bị cáo Q là người có nhân thân xấu, vào ngày 22/4/2020 bị Công an xã A xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo H sử dụng ma túy đã bị cơ quan chức năng xử lý hành chính. Vì vậy, theo quy định pháp luật cần phải xử lý các bị cáo H và Q nghiêm minh nhằm để răn đe và ngăn ngừa tội phạm.

Tuy nhiên xét thấy, khi phạm tội các bị cáo H và Q chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, đã thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ rõ sự ăn năn hối cải (là 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự), các bị cáo tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại ông Nguyễn Ngọc A, tài sản mà các bị cáo trộm cắp đã thu hồi trả lại cho bị hại ông Nguyễn P, khi vụ án phát hiện các bị cáo đến Công an huyện Đ đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa bị hại ông Nguyễn Ngọc A xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Xét thấy, các bị cáo H và Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp

dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

- **Bị cáo Văn Quý T:** Bị cáo T đã tiêu thụ tài sản do trộm cắp, mặc dù không hứa hẹn trước nhưng bị cáo biết rõ tài sản mà bị cáo tiêu thụ là tài sản do trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn tiêu thụ. Hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh nhằm đề răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên xét thấy, bị cáo không tình tiết tăng nặng, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ ra ăn năn hối cải (là 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự); hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện đang nuôi dưỡng mẹ già có xác nhận của chính quyền địa phương là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét những tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét thấy, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ở mức độ, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[2.3] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo Trần Đức H và Nguyễn Văn Q đã bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Ngọc A số tiền 3.500.000 đồng giá trị cây mai bị mất, ông A đã nhận tiền và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với bị hại ông Nguyễn P, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn Đ và ông Nguyễn Văn D đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.4] Về xử lý vật chứng: 01 cây mai đọt tím, chiều cao 230cm, chu vi gốc 22cm, thân cây được tạo hình thế uốn lượn, lá dày, chưa ra hoa, được trồng vào năm 2005. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

Đối với 01 con dao cán tròn bằng sắt, lưỡi đẹp bằng sắt, mũi nhọn. Sau khi sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào tháng 11/2019, bị cáo Trần Đức H đã vứt ở đâu không rõ nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không thu giữ được, cũng không có cơ sở để truy tìm.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh, BKS 62N6-8450 do bà Trần Thị Ngọc H làm chủ sở hữu và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONLET, BKS 43H5-9033 do ông Nguyễn Văn T làm chủ sở hữu. Quá trình điều tra chứng minh, các bị cáo H và Q sử dụng xe mô tô trên để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chủ sở hữu xe không biết nên không tiến hành thu giữ là phù hợp.

[2.5] Về vấn đề liên đến vụ án: Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q đã có hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 04/4/2020 tại thôn T, xã Đại A, huyện Đ. Quá trình làm việc bị hại khai giá trị cây mai cảnh bị mất khoảng 1.500.000 đồng nên Công an xã A đã xử lý hành chính đối với bị cáo Q là phù hợp. Đối với hành vi trộm cắp tài sản vào tháng 12/2019 tại thôn P, xã H, huyện Đ các bị cáo Q và H trộm cắp 01 cây mai đọt tím, cao

70cm, chu vi gốc 30cm, thân cây được tạo hình thể uốn lượn trị giá 1.500.000 đồng, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tách ra xử phạt hành chính đối với các bị cáo H và Q là phù hợp.

Đối với bị cáo Trần Đức H đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và có hành vi cùng bị cáo Q trộm cắp tài sản vào ngày 04/4/2020 tại thôn T, xã A, huyện Đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ xử phạt hành chính đối với H là phù hợp.

Đối với ông Văn Quý M đã có hành vi mua lại cây mai của bị cáo Văn Quý T, quá trình điều tra chứng minh ông M không biết tài sản do trộm cắp mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không xử lý hành vi của ông Văn Quý M là phù hợp và ông M không yêu cầu bồi thường số tiền 700.000 đồng đã mua mai nên không đề cập giải quyết.

Đối với ông Văn Quý H, bị cáo Q đã liên lạc để bán mai, quá trình điều tra chứng minh ông H không biết tài sản đó do trộm cắp mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không xử lý hành vi của ông H là phù hợp.

Đối với bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T là chủ sở hữu xe mô tô nhãn hiệu WAVE màu xanh, BKS 62N6-8450 và xe mô tô nhãn hiệu HONLET, BKS 43H5-9033. Quá trình điều tra chứng minh, bà H và ông T không biết việc H và H dùng xe này để đi trộm cắp nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không xử lý là có cơ sở.

[2.6] Về án phí: Các bị cáo Trần Đức H, Nguyễn Văn Q và Văn Quý T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Trần Đức H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Đức H **18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 03/7/2020.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Q** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q **18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 03/7/2020.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Văn Quý T** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Văn Quý T **09** (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/3/2021).

Giao bị cáo Văn Quý T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách án treo, nếu bị cáo Văn Quý T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án.

4. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Đức H, Nguyễn Văn Q và Văn Quý T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Đại Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

